

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-PT

Ngày: 13-3-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Khánh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2022/TLPT- DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐ-PT ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976. Cư trú tại số nhà 9/14, đường 30 tháng 4, tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông N, sinh năm 1946. Nơi cư trú: Thôn 1, xã Hà Lâm, huyện H, tỉnh Đ. Có mặt

(Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2021)

2. *Bị đơn:* Ông Đ, sinh năm 1980. Cư trú tại: Hẻm 26, số nhà 04/1, tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ. Có mặt

### *3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà D, sinh năm 1980. Địa chỉ liên lạc: Số nhà 9/14, đường 30 tháng 4, tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.2 Bà D1, sinh năm 1981. Cư trú tại: Hẻm 26, số nhà 04/1, tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Duyên: Ông Đồng Gia K, sinh năm 1988. Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố 11, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ. Có mặt (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2023)

3.3 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện H. Địa chỉ: Đường Hùng Vương, tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1984; Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Agribank, chi nhánh huyện H Đ II. Có đơn xin xét xử vắng mặt (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2022)

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông N trình bày:* Vào ngày 06/9/2019 ông Nguyễn Văn T nhận sang nhượng từ ông Đ một phần thửa đất số 628, tờ bản đồ số 315a; tọa lạc tại tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ (*chiều ngang 8m, chiều dài 25m*), một bên giáp với đất anh Thi và phần đuôi giáp với đất anh Phi với giá chuyển nhượng là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), ông Thừa đã thanh toán đủ tiền cho ông Đ. Hai bên thống nhất sau tết nguyên đán năm 2020, ông Đ có trách nhiệm làm thủ tục tách thửa cho ông Thừa nhưng đến nay ông Đ không thực hiện như đã cam kết. Do vậy, ông Thừa yêu cầu ông Đ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên và giao đủ diện tích 200m<sup>2</sup> đất như thỏa thuận, nếu diện tích đất không đủ (*thiếu 17m<sup>2</sup>*) thì đề nghị phía ông Đ thanh toán lại giá trị đất chênh lệch còn thiếu theo giá thị trường.

Trường hợp ông Đ không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông Thừa đồng ý trả lại đất và yêu cầu ông Đ thanh toán lại giá trị đất và tài sản gắn liền với đất theo giá thị trường là 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

*Bị đơn ông Đ trình bày:* Vào ngày 06/9/2019 giữa ông và ông Đ có lập “*Giấy giao kèo sang nhượng đất*” theo đó ông sang nhượng cho ông Thừa một

phần thửa đất số 628, tờ bản đồ số 315a; tọa lạc tại tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện H có chiều ngang 8m; chiều dài là 25m, một bên giáp với đất anh Thi và phần đuôi giáp với đất anh Phi. Giá chuyển nhượng là 100.000.000đồng, ông Thừa đã thanh toán đủ tiền và thống nhất sau tết nguyên đán năm 2020 sẽ làm thủ tục tách thửa cho ông Thừa.

Thực hiện cam kết trên, ông đã liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai huyện H để làm các thủ tục tách thửa đối với phần đất đã chuyển nhượng. Tuy nhiên, ngày 01/7/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H có văn bản số 656/PT-CNHHĐH thông báo về việc trả hồ sơ trích đo với lý do “*vị trí tách thửa thuộc đất khu ở mật độ thấp. Vậy ông đề nghị tách thửa có mặt đường tiếp giáp với đường là 08m là không đủ điều kiện theo Quyết định số 04/2021/QĐ - UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ*”. Như vậy, việc tách thửa không thực hiện được là do khách quan.

Nay ông Thừa yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thì ông đồng ý. Đối với yêu cầu phải giao đủ 200m<sup>2</sup> đất như thỏa thuận, nếu chiều dài đất không đủ thì quy đổi sang giá trị đất chênh lệch còn thiếu (17 m<sup>2</sup>) thì ông không đồng ý vì ông chuyển nhượng đất theo hiện trạng và đã giao đất cho ông Thừa quản lý sử dụng.

Trường hợp ông Thừa yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên thì ông đồng ý nhận lại đất đã bàn giao và trả lại cho ông Thừa số tiền là 150.000.000đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, không có ý kiến gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D1 trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông Đ và không có ý kiến gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện H – Đ II trình bày:*

Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện H yêu cầu phía bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng và lãi phát sinh theo quy định. Còn việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đới và ông Thừa thì Ngân hàng không có tranh chấp và không có ý kiến gì. Ngân hàng Nông Nghiệp huyện H không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn ông Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được lập giữa ông Nguyễn Văn T và ông Đ vào ngày 06 tháng 9 năm 2019. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập giữa ông Nguyễn Văn T và ông Đ vào ngày 06 tháng 9 năm 2019 không có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao trả lại toàn bộ thửa đất có diện tích 183m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 628, tờ bản đồ số 315a; tọa lạc tại tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ và tài sản gắn liền với đất cho ông Đ là 01 (một) Giếng khoan; 01 (một) hố ga.

Buộc ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 292.607.500 đồng (*hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2023 bị đơn ông Đ kháng cáo không đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 292.607.500đ.

Tại phiên tòa:

Bị đơn ông Đ vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Toà án đã triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà D; Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện H, Đ II hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Đ thực hiện thủ tục tách thửa, sang tên cho ông Thừa theo giấy thoả thuận chuyển nhượng đất ngày 06/9/2019; trường hợp ông Đ không thể thực hiện như đã cam kết thì yêu cầu ông Đ thanh toán lại giá trị đất và tài sản gắn liền với đất theo giá thị trường là 350.000.000đ. Bị đơn ông Đ không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn; trường hợp huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2019 thì ông đồng ý trả cho ông Thừa số tiền 150.000.000đ nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đ thấy rằng:

[3.1] Theo “*Giấy giao kèo sang nhượng đất*” lập ngày 06/9/2019 giữa ông Nguyễn Văn T và ông Đ có nội dung: Ông Đ sang nhượng cho ông Thừa một phần thửa đất số 628, tờ bản đồ số 315a; tọa lạc tại tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ với chiều ngang 8m; chiều dài 25m, một bên giáp với đất anh Thi và phần đuôi giáp với đất anh Phi với giá chuyển nhượng là 100.000.000đồng; ông Thừa đã thanh toán đủ tiền cho ông Đ. Đồng thời các bên giao kết sau tết nguyên đán 2020 ông Đ có trách nhiệm làm thủ tục tách thửa đất cho ông Thừa, còn ông Thừa có nghĩa vụ đóng các loại thuế phí theo quy định.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án ông Đ cũng thừa nhận có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T một phần thửa đất số 628, tờ bản đồ số 315a; tọa lạc tại tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ có chiều ngang 8m; chiều dài 25m, với giá 100.000.000đồng và đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng cũng như đã bàn giao đất cho ông Thừa quản lý, sử dụng.

[3.3] Sau đó ông Đ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa theo quy định thì không được chấp nhận với lý do: “*vị trí tách thửa thuộc đất khu ở mật độ thấp. Vậy ông đề nghị tách thửa có mặt đường tiếp giáp với đường là 08m là không đủ điều kiện theo Quyết định số 04/2021/QĐ – UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ*”. Do thửa đất không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định nên ông Thừa yêu cầu huỷ hợp đồng sang nhượng đất lập ngày 06/9/2019 và yêu cầu ông Đ phải trả cho ông số tiền 350.000.000đồng. Bị đơn ông Đ đồng ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất lập ngày 06/9/2019 và chỉ đồng ý trả cho ông Thừa số tiền 150.000.000đ nên các bên phát sinh tranh chấp.

[3.4] Xét “*Giấy giao kèo sang nhượng đất*” lập ngày 06/9/2019 thấy rằng: Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, các bên không đo đạc, chỉ dẫn mốc giới cụ thể dẫn đến diện đất thực tế thiếu so với diện tích đất thỏa thuận chuyển nhượng trong hợp đồng; việc không thực hiện được tách thửa được do vị trí tách thửa thuộc đất khu ở mật độ thấp nên không đủ điều kiện tách thửa theo quy định; giấy giao kèo sang nhượng đất lập ngày 06/9/2020 vi phạm về nội dung, chưa tuân thủ về mặt hình thức của giao dịch dân sự là phải được công chứng, chứng thực. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều đồng ý huỷ hợp đồng nêu trên, xét đây là sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật nên cần huỷ “*giấy giao kèo sang nhượng đất ngày 06/9/2019*”, xác định lỗi của các bên trong trường hợp này là 50/50 như Toà án cấp sơ thẩm đã nhận định là phù hợp và đúng quy định.

[3.5] Theo chứng thư thẩm định giá ngày 05/7/2022, tổng giá trị tài sản tranh chấp là 465.968.000 đồng; trong đó quyền sử dụng đất là 446.703.000 đồng; tài sản gắn liền với đất là 19.265.000 đồng, các bên đương sự thống nhất sử dụng kết quả thẩm định giá tài sản làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2022, xác định tài sản trên đất gồm: 01 giếng khoan và 01 hố ga, trị giá 19.265.000 đồng. Quá trình đào giếng và hố ga, ông Thừa không báo cho ông Đồi biết, đồng ý giảm một phần số tiền làm giếng và hố ga và xác định chi phí làm giếng và hố ga là 9.256.000đ.

Như vậy, thiệt hại do không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác định như sau:  $466.703.000đ - 100.000.000đ = 366.703.000đ : 2 = 173.351.500$  đồng. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn:  $173.351.500đ + 100.000.000đ + 9.265.000 = 282.607.500đ$ .

Tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 292.607.500đ là chưa chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn để sửa án sơ thẩm đối với số tiền bị đơn phải chịu.

[3.6] Trong vụ án này nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 350.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 292.607.500đ. Như vậy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tuyên bác đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là thiếu sót nên cần sửa bản án sơ thẩm đối với phần này.

[4] Từ những phân tích trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đ sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá tài sản là 16.555.000đồng (ông Thừa đã tạm nộp và quyết toán xong). Do các bên đều có lỗi, đồng thời ông Thừa cũng đồng ý chịu  $\frac{1}{2}$  số tiền chi phí tố tụng nên mỗi bên phải chịu chi phí tố tụng là 8.277.500đồng; ông Đồi nộp số tiền 8.277.500 đồng để hoàn trả cho ông Thừa.

[6] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” đối với bị đơn ông Đ.

- Tuyên huỷ “Giấy giao kèo sang nhượng đất” lập ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Đ.

- Buộc ông Nguyễn Văn T trả lại diện tích đất 183m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 628, tờ bản đồ số 315a; tọa lạc tại tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đ và giao tài sản gắn liền với đất gồm: 01 giếng khoan; 01 hố ga cho ông Đ. (kèm theo hoạ đồ đo đạc ngày 26/3/2022).

- Buộc ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 282.607.500đ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Đ trả số tiền 67.392.500đ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đ phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 8.277.500đ để hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ phải chịu 14.130.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai số 0000260 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; ông Đ còn phải nộp số tiền 13.830.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T nộp số tiền 33.696.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000035 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đ, ông Nguyễn Văn T còn phải nộp số tiền 21.696.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đ;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự (06);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Đức**





$$426.592.667\text{đồng} = 20.000.000\text{đ} + (26.592.667\text{đ} \times 4\%) =$$

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Mạnh Hùng Lê Thị Vân**

**Nguyễn Thành Tâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Hữu Nhân    Huỳnh Châu Thạch**

**Đỗ Mạnh Hùng**

